

Hà Nội, ngày 08 tháng 07 năm 2024

Số: 455/2024/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Căn cứ vào Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 443/2024/TLST-VHNGĐ ngày 28 tháng 06 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 29/06/2024 tại Tòa án nhân dân quận Ba Đình.

Người yêu cầu:

- Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1963;

- Chị **Trần Thị T1**, sinh năm 1965;

Cùng ĐKHKTT và nơi ở: Số nhà F ngách C ngõ E, đường H, phường N, quận B, thành phố Hà Nội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Anh **Nguyễn Văn T** và chị **Trần Thị T1** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày ngày 07/07/1989 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Hà Nam Ninh (nay là tỉnh Nam Định). Đây là hôn nhân hợp pháp.

[2]. Anh **Nguyễn Văn T** và chị **Trần Thị T1** yêu cầu Tòa án nhân dân quận Ba Đình công nhận thuận tình ly hôn vì cả hai đều xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có. Việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của hai bên đã được ghi nhận trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 29/06/2024 tại Tòa án nhân dân quận Ba Đình là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Anh **Nguyễn Văn T** và chị **Trần Thị T1** có 03 (ba) con chung là **Nguyễn Thanh L**, sinh ngày 14/11/1990; **Nguyễn Thùy L1**, sinh ngày 01/11/1998 và **Nguyễn Thị Ngọc L2**, sinh ngày 15/8/2003. Các con chung đều đã trưởng thành nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về tài sản chung và nhà ở chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị Thu t thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị T1 không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về lệ phí tòa án: Chị Trần Thị T1 tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản thuận tình ly hôn thỏa thuận việc nuôi con và chia tài sản sau khi ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị T1.

- Về con chung: Cả 03 (ba) con chung là Nguyễn Thanh L, sinh ngày 14/11/1990, Nguyễn Thùy L1, sinh ngày 01/11/1998 và Nguyễn Thị Ngọc L2, sinh ngày 15/8/2003 đã đủ tuổi trưởng thành (trên 18 tuổi) nên Tòa án không xem xét.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị T1 thỏa thuận, giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị T1 không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Trần Thị T1 tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai thu tiền số 0030258 ngày 27/06/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ba Đình;
- CQ đã thực hiện việc đăng ký KH;
- Các đương sự;
- Tòa án ND TP. Hà Nội;
- Chi cục THA DS quận Ba Đình;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đình Thảo